

**DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NĂM 2025**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Dự toán năm 2025
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị (1+2+3+4)	6928,1	9538,8	9538,8	16558,9
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ	0	0	0	0
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá (Học phí)				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật (Thu dịch vụ khác)				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại	430,0	289,0	289,0	116,0
3	Nguồn NSNN	6293,1	8985,8	8985,8	16154,9
3.1	Ngân sách trong nước	6293,1	8985,8	8985,8	16154,9
3.1.1	NSNN cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Tự chủ)	4804,9	6572,3	6572,3	7592,0
3.1.2	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)	1488,2	2413,5	2413,5	8562,9
	Các đơn vị trực thuộc				
	Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, học sinh khuyết tật theo TTLT 42	362,8	558,7	558,7	341,9
	Chế độ học sinh dân tộc nội trú theo TTLT 109, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND				
	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	47,4	35,0	35,0	38,0



Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	140,9	142,0	142,0	240,0
Bổ sung định mức bố trí dự toán sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học (trừ các trường thuộc danh mục nâng cấp, cải tạo và đầu tư mới trong năm). Mức 250 triệu/trường				
Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND		1110,0	1110,0	1260,0
Sửa chữa cơ sở vật chất	937,1			6410,0
Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới		441,0	441,0	
Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ				
Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)		126,8	126,8	273,0
Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo				
Khen thưởng toàn ngành				
Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia				
Tập huấn cho giáo viên Chương trình giáo dục phổ thông mới				
Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ				
Hội khoẻ Phù đổng				
Hoạt động chuyên môn				
Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)				
...				

3.1.3	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác (Các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ dạy học)	205,0	264,0	264,0	288,0
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị (1+2+3+4)	6928,1	9538,7	9538,7	16558,9
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	0	0	0	0
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuê và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	430,0	289,0	289,0	116,0
3	Chi từ nguồn NSNN	6293,1	8985,7	8985,7	16154,9
a	Ngân sách trong nước	6293,1	8985,7	8985,7	16154,9
	Kinh phí thường xuyên	4804,9	6572,3	6572,3	7592,0
	Kinh phí không thường xuyên	1488,2	2413,5	2413,5	8562,9
b	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác(Chi dịch vụ phục vụ hỗ trợ dạy học)	205,0	264,0	264,0	288,0

Cô Tô, ngày 28 tháng 7 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Hải Phòng

Tên đơn vị: Trường THPT Cô Tô
(Địa chỉ đơn vị: Khu 3, thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh)

BIỂU LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP NĂM 2025

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Định biên	Biên chế được giao			Biên chế có mặt đến thời điểm tháng 7/2024			Hệ số tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp đang hưởng tháng 7/2024																		Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ)
			Tổng số	Quản lý nhà nước	Sự nghiệp p	Tổng số	Quản lý nhà nước	Sự nghiệp	Tổng hệ số	Lương ngạch bậc	Tổng phụ cấp	Chức vụ	Thâm niên, vượt khung	Thâm niên nghề	Công vụ	Khu vực	Ưu đãi	Thu hút	Đặc biệt	Lưu động	Trách nhiệm, kiêm nhiệm	Nặng nhọc, độc hại	PC cấp ủy	PC Thanh tra viên	PC khác		
A	B	2	3	4	6	7	8	10	11=12+13+28	12	13=14+...+27	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
	Tổng cộng (Cô Tô)	28	26		26	23		23	219,57	97,36	95,81	2,00	0,35	12,64	0,00	18,20	31,01		29,91		0,60	0,20	0,90			26,40	
1	Nguyễn Thị Liên								13,31	4,98	6,68	0,25	0,349	1,45		0,7	1,95		1,67				0,3			1,65	
2	Nguyễn Hải Phòng								12,86	5,02	6,26	0,45		1,26		0,7	1,91		1,64				0,3			1,58	
3	Nguyễn Thị Vân								12,65	5,02	6,08	0,35		1,24		0,7	1,88		1,61				0,3			1,55	
4	Trịnh Văn Sỹ								9,68	4,34	4,17			0,65		0,7	1,52		1,30							1,17	
5	Lê Ngọc Lâm								10,32	4,34	4,71	0,25		0,78		0,7	1,61		1,38							1,26	
6	Mai Việt Khôi								9,68	4,34	4,17			0,65		0,7	1,52		1,30							1,17	
7	Ngô Văn Tuấn								9,85	4,34	4,30			0,78		0,7	1,52		1,30							1,20	
8	Lý Thị Thuý								9,80	4,32	4,29			0,78		0,7	1,51		1,30							1,20	
9	Lê Đình Yên								8,91	3,99	3,85			0,56		0,7	1,40		1,20							1,07	
10	Nguyễn Thị Bích Thảo								8,91	3,99	3,85			0,56		0,7	1,40		1,20							1,07	
11	Dương Thị Huyền Chiêm								8,91	3,99	3,85			0,56		0,7	1,40		1,20							1,07	
12	Nguyễn Văn Sơn								8,96	3,99	3,89			0,60		0,7	1,40		1,20							1,08	
13	Ngô Quang Thực								8,19	3,66	3,55			0,48		0,7	1,28		1,10							0,97	
14	Nguyễn Thị Cẩm La								8,45	3,66	3,78	0,15		0,46		0,7	1,33		1,14							1,00	
15	Lý Thị Ngân								8,14	3,66	3,52			0,44		0,7	1,28		1,10							0,96	
16	Phạm Tuấn Dũng								8,14	3,66	3,52			0,44		0,7	1,28		1,10							0,96	
17	Nguyễn Viết Thiện								8,40	3,66	3,75	0,15		0,42		0,7	1,33		1,14							0,99	
18	Vương Như Quỳnh								8,10	3,66	3,48			0,40		0,7	1,28		1,10							0,95	
19	Hoàng Lệ Dung								6,65	3,66	2,09	0,15				0,7			1,14		0,1					0,90	
20	Nguyễn Thị Thúy Phượng								6,21	3,46	1,94					0,7			1,04			0,2				0,81	

21	Trần Thị Nhung								6,79	3,26	2,71	0,25				0,7	0,70		1,05							0,82
22	Hoàng Thị Duyên								6,79	3	3,05			0,15		0,7	1,05		0,90		0,25					0,74
23	Bùi Thị Hồng Thắm								5,36	2,34	2,47					0,7	0,82		0,70		0,25					0,55
24	Nguyễn Thị A								5,11	2,34	2,221					0,7	0,82		0,70							0,55
25	Nguyễn Thị B								5,11	2,34	2,221					0,7	0,82		0,70							0,55
26	Nguyễn Thị C								4,29	2,34	1,402					0,7			0,70							0,55

Người lập biểu



Hoàng Lệ Dung



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Hải Phòng

Tên đơn vị: THPT Cô Tô
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NĂM 2023, ƯỚC THỰC HIỆN THU NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN THU NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Thực hiện năm 2023				Ước thực hiện năm 2024				Kế hoạch thực hiện năm 2025				Ghi chú
		Tổng thu	Tổng phải nộp ngân sách	Số được để lại chi		Tổng thu	Tổng phải nộp ngân sách	Số được để lại chi		Tổng thu	Tổng phải nộp ngân sách	Số được để lại chi		
				Tổng số	trong đó để lại nguồn cải cách tiền lương			Tổng số	trong đó để lại nguồn cải cách tiền lương			Tổng số	trong đó để lại nguồn cải cách tiền lương	
1	2	3	4	5 = 3-4	6	7	8	9 = 7-8	10	11	12	13 = 11-12	14	15
	Tổng cộng	430	0	430	172	289	0	289	115,6	116	0	116		
1	Lệ phí													
	- Lệ phí cao đẳng đại học													
2	Phí													
	- Phí....													
3	Thu sự nghiệp, thu dịch vụ	430	0	430	172	289	0	289	115,6	116	0	116		
	- Thu học phí	430		430	172	289		289	115,6	116		116		
	- Thu khác													
4	Thu phạt vi phạm hành chính													
														
														

Người lập biểu
0917120910



Hoàng Lê Dung

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hải Phòng

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THPT CÔ TÔ



BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ TỰ CHỦ NHÓM 4 NĂM 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số lao động theo định biên	Số người làm việc theo quyết định được giao	Tổng hệ số tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (triệu đồng)	Chi khác theo NQ 66/2021/NQ-HĐND (triệu đồng)	Cấp bù chi khác để đảm bảo tỷ lệ 80/20 và 79/21 theo quy định NQ 185 (triệu đồng)	Tổng kinh phí tiền lương, các khoản đóng góp và chi khác	Chia ra		Ghi chú
									Nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	Ngân sách đảm bảo	
	1	2	3	4	$5=4*2,340*12 \text{ tháng}$	$6=2*\text{định mức (22 triệu; 26 triệu; 30 triệu)}$	7	$8=5+6+7$	9	$10=8-9$	
	Tổng cộng	28	26	220	6.166	780	762	7.708	116	7.592	
	Trường THPT Cô Tô	28	26	219,57	6.166	780	762	7.708	116	7.592	

Tên đơn vị: Trường THPT Cổ Tô
Chương: 422



Biểu: KP không tự chủ

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KHÔNG TỰ CHỦ NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Năm 2024				Dự toán năm 2025	Thuyết minh dự toán	Cơ sở đề xuất
		Tổng dự toán	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm	Ước thực hiện			
A	B	I=2+3	2	3	4	5	6	7
I	Các đơn vị trực thuộc	2413,524	2026,824	386,7	2413,524	8562,91		
1	Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, học sinh khuyết tật theo TTLT 42	558,7	172	386,7	558,7	341,91		
	- Bán trú	229	168,15	60,85	229	336,96	- Dự toán chế độ bán trú theo NQ204 = 40 học sinh * 936 mức hỗ trợ * 9 tháng;	
	- Miễn, giảm học phí	1,15	1,15		1,15	0,9	- Dự toán chế độ miễn học phí theo NĐ81 = 2 học sinh * 0,05 * 9 tháng;	
	- Hỗ trợ chi phí học tập	4,05	2,7	1,35	4,05	4,05	- Dự toán chế độ CPHT theo NĐ81 = 2 học sinh * 0,15 * 9 tháng; theo NQ21= 1 học sinh * 0,15*9 tháng	
	- Chế độ cho học sinh khuyết tật theo TTLT 42	0						
	- Chi hỗ trợ học phí theo NQ 34/2024-NQ-HĐND	324,5		324,5	324,5			
2	Chế độ học sinh dân tộc nội trú theo TTLT 109, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	0					Kèm theo biểu chi tiết	
3	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND	0					Kèm theo biểu chi tiết	

4	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	35	35		35	38	Có biểu thuyết minh chi tiết dự toán số lớp có học sinh khuyết tật, số giáo viên dạy học sinh khuyết tật kèm theo lương và phụ cấp để tính tiền giờ dạy theo quy định	
5	Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	142	142		142	240		
6	Bổ sung định mức bố trí dự toán sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học (trừ các trường thuộc danh mục nâng cấp, cải tạo và đầu tư mới trong năm). Mức 250 triệu/trường	0						
7	Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	1110	1110		1110	1260	Kèm theo biểu chi tiết	
8	Sửa chữa cơ sở vật chất	0				6410	Kèm theo biểu chi tiết	
9	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	440,987	440,987		440,987		Kèm theo biểu chi tiết	
10	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	0					Kèm theo biểu chi tiết	
11	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)	126,837	126,837		126,837	273		
I	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo							
1	Khen thưởng toàn ngành							
2	Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia							
3	Tập huấn cho giáo viên Chương trình giáo dục phổ thông mới							
4	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ						Kèm theo biểu chi tiết	
5	Hội khoẻ Phù đổng							
6	Hoạt động chuyên môn							
7	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)							
	...							

Tên đơn vị: Trường THPT Cô Tô
Chương: 422

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH NĂM 2025
KINH PHÍ KHÁI TOÁN MUA SẴM BỔ SUNG TRANG THIẾT BỊ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Công văn số 2437/SGDDT-KHTC ngày 26/7/2027 của Sở GD&ĐT)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Căn cứ đề xuất mua sắm	Định mức	Số lượng hiện có		Số lượng đề xuất bổ sung	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
					Còn sử dụng được	Đã hỏng				

Cô Tô, ngày 28 tháng 7 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Nguyễn Hải Phòng

Tên đơn vị: Trường THPT Cô Tô

Chương: 422

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH NĂM 2025

NHU CẦU KINH PHÍ KHÁI TOÁN SỬA CHỮA CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 2437/SGDDT-KHTC ngày 26/7/2027 của Sở GD&ĐT)

TT	Tên hạng mục cơ sở vật chất đề xuất sửa chữa	Mô tả, đánh giá hiện trạng	Thuyết minh sự cần thiết phải sửa chữa	Thuyết minh chi tiết phương án sửa chữa	Khái toán kinh phí thực hiện (triệu đồng)
	Tổng cộng:				6.410
1	Trường THPT Cô Tô				
1	Đường mái che nhà học 3 tầng sang nhà hiệu bộ và sang nhà đa năng.	Trường học thuộc vùng biên giới hải đảo, sóng gió, mưa nhiều có mái che thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập của học sinh	Thuận lợi, an toàn Cho học sinh và thầy cô giáo	* Mái che: 3 mai che, diện tích 1.250m2	980
2	Cải tạo nhà học 3 tầng	Nhà học 3 tầng được xây từ năm 2012 đến nay nhiều hạng mục đã xuống cấp, cửa bị mối mọt cong vênh, hệ thống điện nước đã hỏng, gạch lát nền bị bong vỡ nhiều chỗ, sơn tường bạc màu hoen ố nhiều chỗ, mái bị ngấm nước)	Sửa chữa cửa gỗ nhà học 3 tầng, bảo đảm an toàn cho học sinh và thầy cô giáo.	Tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa gỗ và thay mới bằng hệ thống cửa nhôm xingfa,....	3.900
3	Cải tạo nhà đa năng	Nhà đa năng được xây từ năm 2018 đến nay nhiều hạng mục đã xuống cấp, cửa kính bị vỡ, toàn bộ hệ thống mái nhà bị bay do bão gió, trần nhà bị ngấm nước xuống cấp.	Sửa chữa nhà đa năng bảo đảm an toàn cho học sinh và thầy cô giáo	Tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa kính và thay mới bằng hệ thống cửa kính mới, làm lại trần nhà, xử lý chống thấm, thay toàn bộ bóng điện do đã cháy và hỏng đường dây điện.	650

4	Lắp đặt mới hệ thống PCCC nhà học 3 tầng	Năm 2012 nhà học 3 tầng được huyện Cô Tô bàn giao chưa có lắp hệ thống báo cháy tự động và hệ thống cấp thoát nước chữa cháy	Bảo đảm PCCC theo quy định. An toàn cho thầy cô và học sinh	Lắp đặt mới hệ thống báo cháy tự động và hệ thống cấp nước chữa cháy đối với khu nhà học 3 tầng	200
5	Sửa chữa mái che nhà học 3 tầng, khu hiệu bộ, nhà nội trú học sinh, nhà công vụ giáo viên	Năm 2012 các khu nhà được đưa vào sử dụng, hiện nay mái che đã xuống cấp, bay do bão gió, trần nhà bị ngấm.	Sửa chữa mái che các khu nhà, hạn chế trần nhà bị ngấm nước, chống bị chập điện, an toàn cho thầy cô và học	Tháo dỡ toàn bộ mái che cũ và thay bằng mái che mới	680

Cô Tô, ngày 28 tháng 7 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Hải Phòng

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Số thực hiện năm 2023	Năm 2024		Dự kiến năm 2025
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp					
1	Giáo dục phổ thông (chi tiết: tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)					
1.1	Số trường	Trường	1	1	1	1
	(Chi tiết số trường theo mức độ tự chủ theo quy định)					
1.2	Số học sinh	Người	240	249	249	270
a	Số học sinh ra trường	Người	64	85	85	82
b	Số học sinh tuyển mới	Người	73	94	94	270
c	Số học sinh có mặt tại thời điểm 31/5	Người	240	249	249	270
d	Số học sinh bình quân (1)	Người	27	28	28	30
	Trong đó - Số học sinh được miễn học phí	Người	1	3	3	2
	- Số học sinh được giảm học phí	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Người	2	3	3	3
	- Số học sinh được hỗ trợ bán trú	Người	23	23	39	40
1.3	Tổng kinh phí NSNN cấp	Triệu đồng	6293,11	8985,734	8985,734	16154,9
a	Kinh phí giao tự chủ		4804,9	6572,26	6572,26	7592
	- Quỹ lương và các khoản có tính chất lương	Triệu đồng	3678	5486	5486	6166
	- Chi hoạt động chuyên môn, quản lý	Triệu đồng	1126,9	1086,26	1086,26	1426
	- Chi....	Triệu đồng				
b	Kinh phí không giao tự chủ	Triệu đồng	1488,21	2413,474	2413,474	8562,91
	Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, học sinh khuyết tật theo TTLT 42:	Triệu đồng	362,81	558,65	558,65	341,91
	- Bán trú	Triệu đồng	122,86	229	229	336,96



	- Miễn, giảm học phí theo Nghị định	Triệu đồng		1,15	1,15	0,9
	- Hỗ trợ chi phí học tập	Triệu đồng	1,95	4,05	4,05	4,05
	- Chế độ cho học sinh khuyết tật	Triệu đồng				
	- Chi hỗ trợ học phí theo NQ	Triệu đồng	238	324,45	324,45	
	Chế độ học sinh dân tộc nội trú theo	Triệu đồng				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết	Triệu đồng				
	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Triệu đồng	47,4	35	35	38
	Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	Triệu đồng	140,9	142	142	240
	Bổ sung định mức bố trí dự toán sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học (trừ các trường thuộc danh mục nâng cấp, cải tạo và đầu tư mới trong năm). Mức 250 triệu/trường	Triệu đồng				
	Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	Triệu đồng		1110	1110	1260
	Sửa chữa cơ sở vật chất	Triệu đồng	937,1			6410
	Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Triệu đồng		440,987	440,987	
	Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	Triệu đồng				
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)	Triệu đồng		126,837	126,837	273
II	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công chức Nhà nước					

1	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước					
2	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài					

Cô Tô, ngày 28 tháng 7 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Nguyễn Hải Phòng



BÁO CÁO LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG - NGUỒN KINH PHÍ ĐẢM BẢO CỦA CÁC ĐƠN VỊ "NGHIỆP NAM 2025"
(Được cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị để hoàn cấp trên; đơn vị để hoàn cấp / báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Trường THPT

Tên đơn vị		Dự toán năm 2024										Dự toán năm 2025																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
		Trong đó					Nguồn kinh phí bảo đảm					Trong đó					Nguồn kinh phí bảo đảm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
		Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của bên chủ được giao					Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của bên chủ được giao					Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của bên chủ					Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của bên chủ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
		Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương



Ngày: 20 tháng 7 năm 2024

PHÓ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Hải Phòng



Tên đơn vị: Trường THPT Cô Tô
Chương: 422

Mẫu biểu TH

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2025-2027

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2027	Ghi chú
A	B	4			
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị (1+2+3+4)	16559	11313	12021	
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá (Học phí)				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật (Thu dịch vụ khác)				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại	116	126	138	
3	Nguồn NSNN	16154,9	10861,0	11527,0	
3.1	Ngân sách trong nước	16154,9	10861,0	11527,0	
3.1.1	NSNN cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Tự chủ)	7592,0	8493,0	9093,0	
3.1.2	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ)	8562,9	2368,0	2434,0	
	Các đơn vị trực thuộc				
	Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú, học sinh khuyết tật theo TTLT 42	341,91	355	368	
	Chế độ học sinh dân tộc nội trú theo TTLT 109, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT				
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND				
	Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	38	45	48	

Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	240	260	280	
Bổ sung định mức bố trí dự toán sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học (trừ các trường thuộc danh mục nâng cấp, cải tạo và đầu tư mới trong năm). Mức 250 triệu/trường				
Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND	1260	1380	1380	
Sửa chữa cơ sở vật chất	6410			
Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới				
Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ				
Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)	286,528	328	358	
Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo				
Khen thưởng toàn ngành				
Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia				
Tập huấn cho giáo viên Chương trình giáo dục phổ thông mới				
Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ				
Hội khoẻ Phù đổng				
Hoạt động chuyên môn				
Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)				
...				

3.1. 3	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác (Các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ dạy học)	288	326	356	
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị (1+2+3+4)	16558,9	11313	12021	
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	0			
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	116	126	138	
3	Chi từ nguồn NSNN	16154,9	10861	11527	
a	Ngân sách trong nước	16154,9	10861	11527	
	Kinh phí thường xuyên	7592	8493	9093	
	Kinh phí không thường xuyên	8562,90	2368	2434	
b	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác (Chi dịch vụ phục vụ hỗ trợ dạy học)	288	326	356	